Bài tổng quan

Xây dựng nhà nước kiến tạo phát triển tại Việt Nam trong quá trình gia nhập cộng đồng kinh tế Asean

Nguyễn Hồng Nga*

TÓM TẮT
Khi gia nhập AEC Việt Nam vừa có nhiều thuận lợi và không ít những thách thức. Điều này dẫn tới vấn đề đổi mới về nhận thức trong việc quản lý, điều tiết và điều hành của nhà nước. Nhà nước kiến tạo phát triển trong giai đoạn mới là một mô hình hết sức quan trọng và cần thiết để nền kinh tế Việt Nam đạt được những thành công mới trên con đường xây dựng đất nước với mục tiêu: Dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng và văn minh. Bài viết sau khi đưa ra khái niệm, vai trò và chức năng căn bản của nhà nước, đã phân tích một số điểm quan trọng trong việc định hình một nhà nước kiến tạo phát triển, trong đó nhấn mạnh vai trò sửa chữa những khuyết tật của thị trường và nhà nước không cạnh tranh và không làm thay thị trường. Mục đích của chính phủ là đảm bảo quyền sống, quyền tự do và tài sản của các cá nhân Nhà nước kiến tạo phát triển được đưa ra lần đầu bởi Chalmers Ashby Johnson vào năm 1982. Vai trò kiến tạo của nhà nước tập trung chủ yếu vào nâng cao năng lực của nhà nước để thúc đẩy các hoạt động thị trường thông qua các giải pháp đảm bảo trật tự xã hội, giảm tính bất định trong nền kinh tế, giảm bất đối xứng thông tin, giảm chi phí giao dịch…cho thị trường. Và cuối cùng, tác giả đã mạnh dạn đề xuất bảy giải pháp để xây dựng một nhà nước kiến tạo phát triển tại Việt Nam.
Từ khoá: Nhà nước, kiến tạo phát triển, Việt Nam.

DẪN NHẬP

Nhà nước có thể thất bại vì làm quá ít, hoặc vì làm quá nhiều.

Athur Lewis, Nobel kinh tế năm 1979 (1915 -1991)

Trong việc tạo dựng một chính phủ con người quản lý con người, khó khăn lớn nằm ở chỗ trước hết phải đảm bảo chính phủ kiểm soát được những người phải quản lý, và tiếp theo phải đảm bảo được chính phủ phải kiểm soát được chính bản thân mình.

James Madison, 1778 (1751 – 1836)

Ngày 31.12.2015 Cộng đồng kinh tế ASEAN (AEC) chính thức thành lập sau khi bản tuyên bố thành lập cộng đồng ASEAN được ký kết bởi 10 lãnh đạo của các nước ASEAN có hiệu lực. *Việc gia nhập AEC tạo ra nhiều thuận lợi nhưng cũng không ít những thách thức cho nền kinh tế Việt Nam.* Thách thức quan trọng nhất là sức ép cạnh tranh đến từ việc tự do hóa, mở cửa thị trường thống nhất, trong điều kiện các nước ASEAN có các lợi thế so sánh khá tương đồng với Việt Nam. Hơn nữa việc thực thi các cam kết trong ASEAN cũng đòi hỏi Việt Nam rà soát, điều chỉnh và hoàn thiện hệ thống pháp luật nhưng đồng thời, cũng có tác động tích cực là tăng cường tính minh bạch, cải thiện môi trường kinh doanh, đầu tư, giúp nền kinh tế vận hành hiệu quả hơn.

Để vượt qua các thách thức không nhỏ và tận dụng các thời cơ có được, quá trình ra nhập và hội nhập AEC cần đi đôi với việc phát huy nội lực, tăng cường sức cạnh tranh quốc gia. Giải pháp quan trọng hàng đầu là xây dựng năng lực cạnh tranh trong dài hạn của doanh nghiệp và lực lượng lao động Việt Nam trong bối cảnh hội nhập kinh tế ngày càng toàn diện.

Câu hỏi đặt ra: Vai trò của nhà nước thay đổi ra sao và được thể hiện như thế nào trong tiến trình hội nhập AEC để phát huy tối đa thời cơ và hạn chế tối thiểu những thách thức đối với nền kinh tế Việt Nam? Nhà nước cần làm gì và không làm gì để duy trì và đẩy mạnh tăng trưởng kinh tế? Nhà nước liệu là giải pháp hay vấn đề trong quá trình hội nhập AEC? Bài viết mong muốn trả lời phần nào các câu hỏi trên.

TỔNG QUAN VỀ AEC

Lịch sử hình thành AEC

Vào năm 1992 khái niệm hội nhập kinh tế ASEAN lần đầu tiên được đưa ra trong Hiệp định khung về Thúc đẩy Hợp tác Kinh tế ASEAN ký tại Singapore. Hiệp định này nhấn mạnh tầm quan trọng của việc hợp tác trong các lĩnh vực thương mại, công nghiệp, năng lượng và khoáng sản, tài chính và ngân hàng, thực phẩm, nông nghiệp và lâm nghiệp, giao thông và truyền thông.

Trường Đại học Kinh tế - Luật, ĐHQG HCM

Liên hệ

Nguyễn Hồng Nga, Trường Đại học Kinh tế - Luật, ĐHQG HCM

Email: nganh@uel.edu.vn

Lịch sử
- Ngày nhận: 8-3-2019
- Ngày chấp nhận: 1-5-2019
- Ngày đăng: 30-6-2019

DOI :

https://doi.org/10.32508/stdjelm.v3i2.553

Check for updates

Bản quyền

© ĐHQG Tp.HCM. Đây là bài báo công bố mở được phát hành theo các điều khoản của the Creative Commons Attribution 4.0 International license.

VNU-HCM Press

Trích dẫn bài báo này: Nga N H. **Xây dựng nhà nước kiến tạo phát triển tại Việt Nam trong quá trình gia nhập cộng đồng kinh tế Asean**. *Sci. Tech. Dev. J. - Eco. Law Manag.;* 3(2):166-175.

Năm 1992: Hiệp định về Chương trình Ưu đãi Thuế quan có hiệu lực chung (CEPT) được ký kết, sau đó được thay thế bởi Hiệp định về Thương mại Hàng hoá ASEAN 2010.

Năm 1995: Hiệp định khung về Dịch vụ ASEAN được ký kết.

Năm 1998: Hiệp định khung về Đầu tư ASEAN được ký kết, sau đó được thay thế bởi Hiệp định Đầu tư toàn diện ASEAN 2012.

Năm 2003: Tại Hội nghị Thượng đỉnh ASEAN 9, các nhà lãnh đạo ASEAN lần đầu tiên tuyên bố mục tiêu hình thành một Cộng đồng Kinh tế ASEAN (AEC). Mục tiêu này cũng phù hợp với Tầm nhìn ASEAN 2020 thông qua vào năm 1997 với mục tiêu phát triển ASEAN thành một Cộng đồng ASEAN.

Năm 2006: Tại cuộc họp các Bộ trưởng Kinh tế ASEAN lần thứ 38, Kế hoạch tổng thể xây dựng AEC (AEC Blueprint) đã được đưa ra với các mục tiêu và lộ trình cụ thể cho việc thực hiện AEC.

Năm 2007: Tại Hội nghị thượng đỉnh ASEAN lần thứ 12, các nhà lãnh đạo ASEAN đã đồng ý đẩy nhanh việc hình thành AEC vào năm 2015 thay vì 2020 như kế hoạch ban đầu

Ngày 22/11/2015: Tại Hội nghị thượng đỉnh ASEAN lần thứ 27, các nhà lãnh đạo ASEAN đã ký kết Tuyên bố Kuala Lumpur về việc thành lập AEC

Mục tiêu của AEC

Tuyên bố Hòa hợp ASEAN II nhấn mạnh:

Cộng đồng Kinh tế ASEAN được thành lập là để thực hiện mục tiêu cuối cùng của hội nhập kinh tế trong "Tầm nhìn ASEAN 2020", nhằm hình thành một khu vực kinh tế ASEAN ổn định, thịnh vượng và có khả năng cạnh tranh cao, trong đó hàng hóa, dịch vụ, đầu tư sẽ được chu chuyển tự do và vốn được lưu chuyển tự do hơn, kinh tế phát triển đồng đều, đói nghèo và chênh lệch kinh tế-xã hội được giảm bớt vào năm 2020. Kế hoạch trung hạn 6 năm lần thứ hai của ASEAN (2004-2010) - Chương trình Hành động Vientian đã xác định rõ hơn mục đích của AEC là: tăng cường năng lực cạnh tranh thông qua hội nhập nhanh hơn, nhằm thúc đẩy tăng trưởng và phát triển kinh tế của ASEAN.

Các biện pháp chính mà ASEAN sẽ cần thực hiện để xây dựng một thị trường ASEAN thống nhất bao gồm: hài hòa hóa các tiêu chuẩn sản phẩm (hợp chuẩn) và quy chế, giải quyết nhanh chóng hơn các thủ tục hải quan, thương mại, và hoàn chỉnh các quy tắc về xuất xứ.

Các biện pháp để xây dựng một cơ sở sản xuất ASEAN thống nhất sẽ bao gồm: củng cố mạng lưới sản xuất khu vực thông qua nâng cấp cơ sở hạ tầng, đặc biệt là trong các lĩnh vực năng lượng, giao thông vận tải, công nghệ thông tin và viễn thông, và phát triển các kỹ năng thích hợp.

Các biện pháp nói trên đều đã và đang được các nước thành viên ASEAN triển khai trong khuôn khổ các thỏa thuận và hiệp định của ASEAN. Như vậy, AEC chính là sự đẩy mạnh những cơ chế liên kết hiện có của ASEAN, như Hiệp định Khu vực Mậu dịch Tự do ASEAN (AFTA), Hiệp định Khung ASEAN về Dịch vụ (AFAS), Khu vực Đầu tư ASEAN (AIA), Hiệp định Khung về Hợp tác Công nghiệp ASEAN (AICO), Lộ trình Hội nhập Tài chính và Tiền tệ ASEAN, *v.v*…, để xây dựng ASEAN thành "một thị trường và cơ sở sản xuất thống nhất". Nói cách khác, AEC là mô hình liên kết kinh tế khu vực dựa trên và nâng cao những cơ chế liên kết kinh tế hiện có của ASEAN có bổ sung thêm hai nội dung mới là tự do di chuyển lao động và di chuyển vốn tự do hơn.

AEC có bốn mục tiêu, đồng thời cũng là bốn yếu tố cấu thành AEC:

Thứ nhất, Một thị trường đơn nhất và cơ sở sản xuất chung, được xây dựng thông qua: Tự do lưu chuyển hàng hoá; Tự do lưu chuyển dịch vụ; Tự do lưu chuyển đầu tư; Tự do lưu chuyển vốn và Tự do lưu chuyển lao động có tay nghề.

Thứ hai, Một khu vực kinh tế cạnh tranh, được xây dựng thông qua các khuôn khổ chính sách về cạnh tranh, bảo hộ người tiêu dùng, quyền sở hữu trí tuệ, phát triển cơ sở hạ tầng, thuế quan và thương mại điện tử.

Thứ ba, Phát triển kinh tế cân bằng, được thực hiện thông qua các kế hoạch phát triển doanh nghiệp vừa và nhỏ (SME) và thực hiện sáng kiến hội nhập nhằm thu hẹp khoảng cách phát triển trong ASEAN.

Thứ tư, Hội nhập vào nền kinh tế toàn cầu, được thực hiện thông qua việc tham vấn chặt chẽ trong đàm phán đối tác và trong tiến trình tham gia vào mạng lưới cung cấp toàn cầu (WTO).

Như vậy chúng ta thấy rằng việc ra nhập AEC có rất nhiều cơ hội và thách thức. Để tận dụng cơ hội và hạn chế thách thức khi gia nhập AEC, theo chúng tôi cần tư duy lại vai trò của nhà nước trong giai đoạn hiện nay và tương lai. Việc xây dựng một nhà nước kiến tạo phát triển là hết sức quan trọng và cần thiết để hướng tới tương lai phát triển và bền vững trong việc hội nhập ngày càng sâu rộng, toàn diện.

NHÀ NƯỚC, CHỨC NĂNG VÀ VAI TRÒ CỦA NHÀ NƯỚC

Khái niệm nhà nước

Nhà nước là câu chuyện tuyệt vời mà ở đó mỗi người đều tìm cách sống bằng chi phí do tất cả những người

khác trả[1]. Đây là kết luận nổi tiếng của Claude Frederic Bastiat (1801- 1850), một nhà kinh tế theo trường phái tự do.

Max Weber cho rằng nhà nước là "*Một cộng đồng người thành công trong việc tuyên bố vị thế độc quyền trong việc sử dụng vũ lực một cách hợp pháp trên một lãnh thổ nhất định*"[2].

"*Chúng ta thừa nhận những chân lý tự nhiên rằng, tất cả mọi người sinh ra đều bình đẳng, rằng tạo hóa đã ban cho họ những quyền không thể tước đoạt, đó là quyền sống, quyền được tự do và mưu cầu hạnh phúc. Để đảm bảo cho những quyền lợi này, các chính phủ được lập ra trong nhân dân và có được những quyền lực chính đáng trên cơ sở sự nhất trí của nhân dân, rằng bất cứ khi nào một thể chế chính quyền nào đó phá vỡ những mục tiêu này, thì nhân dân có quyền thay đổi hoặc loại bỏ chính quyền đó và lập nên một chính quyền mới, đặt trên nền tảng những nguyên tắc cũng như tổ chức thực thi quyền hành theo một thể chế sao cho có hiệu quả tốt nhất đối với an ninh và hạnh phúc của họ*"[3,4].

Tại Việt Nam, ngay dòng đầu tiên trong Bản Tuyên ngôn độc lập của nước Việt Nam dân chủ cộng hòa, Chủ Tịch Hồ Chí Minh đã trích dẫn câu nói trên để làm nền tảng pháp lý cho Tuyên ngôn độc lập bất hủ của Người. Như vậy, sự tồn tại của Nhà nước nhằm để bảo vệ người dân, các quyền của họ và làm cho xã hội thăng tiến thông qua sự phát triển của từng cá nhân trong xã hội.

Chức năng của nhà nước

Theo Partha Dasgupta[5] Dasgupta nhà nước có một số chức năng sau đây:

Thứ nhất, nhà nước là thành phần hoạt động chủ chốt trong mọi nền kinh tế ngày nay. Chi tiêu của chính phủ ở các nước đang phát triển chiếm 18% GDP, và 28% tại các nước phát triển. Tỷ lệ tương ứng tại EU là 37%. Các con số bao gồm chi tiêu công (đường xá, dịch vụ bưu điện, quốc phòng, luật pháp…), chuyển giao (an sinh xã hội, phúc lợi thất nghiệp…) và trả nợ công.

Thứ hai, Nhà nước có chức năng sửa chữa và giảm thiểu các khuyết tật của thị trường.

Theo Joseph Stiglits[6], có 5 thất bại của thị trường để làm tiền đề cho sự can thiệp của nhà nước vào nền KTTT.

***Một là*, độc quyền**. Theo Samuelson, *độc quyền là hiện tượng chỉ có một nhà sản xuất trong ngành và không có ngành nào sản xuất ra mặt hàng thay thế gần gũi*[7]. Mankiw[8] cho rằng, nguyên nhân cơ bản của độc quyền là *hàng rào ra nhập*.

***Hai là*, ngoại tác.** Là sự tác động ra bên ngoài của một đối tượng đến lợi ích hay chi phí của một hay một số đối tượng khác mà không thông qua giao dịch và không được phản ánh qua giá cả. Các ngoại tác tiêu cực phát sinh khi hành động của một nhà sản xuất hay người tiêu dùng áp đặt nên chi phí cho người khác mà không có sự đền bù thỏa đáng. Ngoại tác tích cực phát sinh khi hành động của một nhà sản xuất hay người tiêu dùng mang lại lợi ích cho người khác.

***Ba là,* hàng hóa khuyến dụng.** Thị trường và cộng đồng không đủ khả năng cung cấp hàng hóa khuyến dụng. Một số hàng hóa khuyến dụng là hàng hóa tư nhân (sức khỏe cá nhân), một số là hàng hóa công cộng (thông tin về dịch bệnh có thể xảy ra), số khác nằm ở giữa, và thường chứa đựng ngoại tác. Khi những giao dịch chứa đựng hàng hóa khuyến dụng thì cộng đồng và thị trường nên được bổ trợ bởi các giải pháp của chính phủ. Nhà nước làm điều đó thông qua việc đánh thuế hộ gia đình và công ty, cung cấp hàng hóa khuyến dụng bằng cách sản xuất ra chúng, hoặc trợ cấp cho nhà sản xuất tư nhân.

Nhiệm vụ của nhà nước là cung cấp đầy đủ và chất lượng những hàng hóa mà thị trường không muốn và không thể cung cấp, hoặc không thể cung cấp đầy đủ.

***Bốn là,* thông tin bất cân xứng.** *Thông tin bất cân xứng là tình trạng trong một giao dịch thị trường, một bên có thông tin nhiều hơn và tốt hơn bên còn lại (hoặc một số người khác).*

***Năm là* , thất nghiệp, lạm phát và mất cân bằng.** Bản thân nền KTTT có tính chu kỳ và như vậy việc xảy ra thất nghiệp cao, lạm phát lớn và sự mất cân bằng trong tổng thể nền kinh tế là điều không thể tránh khỏi.

Theo Benham, nhà nước phải theo đuổi bốn mục tiêu phụ trợ sau: *Giúp đỡ việc đảm bảo sinh kế bằng cách bảo vệ công nhân và làm cho họ tin tưởng rằng, họ sẽ nhận được thành quả lao động của mình; giúp sản xuất ra thật nhiều của cải vật chất bằng cách đảm bảo rằng sẽ không có những cản trở về mặt chính trị đối với "những động cơ tự nhiên" của các cá nhân nhằm thỏa mãn nhu cầu của họ thông qua lao động; khuyến khích tinh thần bình đẳng vì việc gia tăng tài sản vật chất không làm gia tăng tương ứng hạnh phúc của những người sở hữu số tài sản đó; và đảm bảo an toàn cá nhân*[9].

Nhà nước là một thiết chế thiết yếu và cần thiết của một xã hội hiện đại và rất cần thiết cho cuộc sống của mọi người. G Wulfenson, cựu chủ tịch Ngân hàng thế giới (WB), viết trong lời mở đầu của Báo cáo "Nhà nước trong một thế giới đang chuyển đổi": "*... Lịch sử đã nhiều lần chứng minh, một chính phủ tốt không phải là một món xa xỉ phẩm, mà là một điều cần thiết sống còn. Không có một nhà nước hữu hiệu thì sẽ không thể có một sự phát triển ổn định cả về mặt kinh tế lẫn mặt xã hội*"[3].

Theo Bastiat[1] "*Mục đích của chính phủ là đảm bảo quyền sống, quyền tự do và tài sản của các cá nhân*". Nếu không có sự bảo đảm như thế thì cuộc sống của con người luôn trong tình trạng sợ hãi, mất niềm tin, cướp bóc xảy ra thường xuyên và luôn chỉ lo tự vệ bản thân, lo đến cá nhân và quên đi mục tiêu công cộng và xã hội. Nếu chính phủ làm được việc bảo vệ các quyền chính đáng của con người thì xã hội sẽ phát triển hài hòa, yên bình sẽ ngự trị, niềm tin là vốn xã hội gia tăng và mọi người sẽ làm việc chăm chỉ, sáng tạo và hiệu quả để cải thiện đời sống của bản thân và xã hội, mối liên kết dọc ngang được hình thành thúc đẩy phân công lao động và thương mại.

Tuy nhiên chính phủ có thể quay sang chống lại những người mà nó có trách nhiệm bảo vệ tài sản của họ. Đấy là lúc cướp bóc hợp pháp xảy ra, trong đó nhiều cá nhân và nhóm lợi ích sử dụng quyền lực của nhà nước nhằm ngăn cản các đối thủ, cản trở họ tham gia cạnh tranh và ngăn chặn cơ hội kinh doanh của những người khác trong và ngoài nước. Đây chính là ăn cắp hợp pháp tài sản của người dân.

Theo Bastiat[1], cướp bóc hợp pháp có hai nguồn gốc. Thứ nhất, một nhóm người coi nó là phương tiện tìm kiếm của cải dễ dàng hơn là lao động và sản xuất. Họ sử dụng quyền lực chính trị để tái phân phối những thứ mà họ không muốn hoặc không có khả năng nhận được từ những người bên cạnh thông qua trao đổi tự nguyện trên thị trường cạnh tranh. Nói cách khác, một trong những cơ sở của cướp bóc hợp pháp là tư tưởng ăn ắp bị hiểu sai !

Nguồn gốc thứ hai của cướp bóc hợp pháp và nguy hiểm hơn nhiều là não trạng kiêu căng của những kẻ lĩnh vai trò thiết kế xã hội.

Như vậy nhà nước có thể vừa là giải pháp và vừa là vấn đề, vừa là thay thế vừa là bổ sung cho thị trường trong bất kỳ một nền kinh tế nào. Nhà nước là giải pháp khi nó hỗ trợ cho thị trường bằng cách giúp cho thị trường hoạt động hiệu quả và bảo vệ các quyền tự nhiên và chính đáng của người dân, và trong chừng mực nào đó giảm thiểu khuyết tật của thị trường, đồng thời đảm bảo công bằng xã hội. Nhà nước là vấn đề khi nó can thiệp quá sâu vào nền kinh tế, cạnh tranh với tư nhân trên thị trường và khi nó lạm quyền dẫn tới vi phạm quyền lợi của các cá nhân. "*Quyền lực có xu hướng dẫn tới đối bại, quyền lực tuyệt đối thì có xu hướng đối bại tuyệt đối*". Huân tước Acon (1887)"[3].

Vai trò của nhà nước

Nhà nước là một thiết chế thiết yếu và cần thiết của một xã hội hiện đại và rất cần thiết cho cuộc sống của mọi người. G Wulfenson, cựu chủ tịch Ngân hàng thế giới (WB), viết trong lời mở đầu của Báo cáo "Nhà nước trong một thế giới đang chuyển đổi": "*... Lịch sử đã nhiều lần chứng minh, một chính phủ tốt không phải là một món xa xỉ phẩm, mà là một điều cần thiết sống còn. Không có một nhà nước hữu hiệu thì sẽ không thể có một sự phát triển ổn định cả về mặt kinh tế lẫn mặt xã hội*"[3].

Học thuyết tự do trao cho nhà nước chức năng sau đây: Bảo về quyền sở hữu, tự do và hòa bình[9].

Thomas Hobbes trong tác phẩm nổi tiếng Leviathan có nhận xét rằng, Cuộc sống mà không có một nhà nước hiệu lực để duy trì trật tự thì rất "*đơn độc, nghèo nàn, đối bại, tàn bạo và ngắn ngủi*"[3].

Charles Wheelan[10] đã chỉ ra những vai trò chủ yếu của nhà nước trong nền KTTT như sau:

Thứ nhất, nhà nước có khả năng nâng cao hiệu quả của nền kinh tế và nhờ đó, làm cho cuộc sống của chúng ta trở nên tốt đẹp hơn.

Để đạt được chức năng này, nhà nước cần tạo ra và duy trì khung pháp lý hay thể chế giúp thị trường vận hành hiệu quả, giảm thiểu những khuyết tật cố hữu của nó. Cần có một tư duy: nhà nước là phương tiện hỗ trợ cho thị trường, cho phép thị trường hoạt động tốt hơn, công bằng hơn và với những bổ sung thích đáng, chứ không phải cạnh tranh với thị trường. Chính phủ cần xác lập và bảo vệ quyền sở hữu, nhất là sở hữu tư nhân.

Thứ hai, một vài hoạt động của chính phủ có thể làm thu hẹp qui mô chiếc bánh GDP những vẫn có thể là điều nên làm xét trong bối cảnh về mặt xã hội.

Thuế cao để hỗ trợ mạng lưới an sinh xã hội sẽ làm giảm đi mong muốn cống hiến và làm giàu cho bản thân và xã hội. Nhìn chung những chính sách đảm bảo tất cả mọi người đều có phần bánh sẽ làm chậm quá trình phát triển chiếc bánh đó, những hiệu quả kinh tế chưa phải là điều quan tâm hàng đầu nếu chúng ta đề cập đến vấn đề công bằng xã hội.

Thứ ba, đôi khi sự tham gia của nhà nước vào nền KTTT lại mang tính phá hủy.

Chính phủ độc đoán có thể giống như một tảng đá đeo trên cổ nền KTTT. Trong một chính phủ như vậy, ý định tốt đẹp có thể tạo ra những chương trình và qui định mà lợi ích của nó phản tác dụng do chi phí giao dịch quá cao, còn ý định xấu có thể dẫn tới những luật lệ chỉ có lợi cho chính trị gia tham nhũng. Điều này đặc biệt đúng ở các nước đang phát triển, nơi mà những điều tốt đẹp chỉ đến khi chính phủ cân bằng đúng mức sự tham gia của mình vào nền kinh tế.

NHÀ NƯỚC KIẾN TẠO PHÁT TRIỂN

Đầu nhiệm kỳ 2011-2016 nguyên Thủ tướng Nguyễn Tấn Dũng nêu nhiệm vụ của chính phủ nhiệm kỳ mới: "*Cần thay đổi tư duy và cách tiếp cận khi xác định vai trò của nhà nước và mối quan hệ giữa nhà nước và*

thị trường. Phải chuyển mạnh từ nhà nước điều hành nền kinh tế sang nhà nước kiến tạo phát triển, trong đó chức năng của nhà nước là xây dựng quy hoạch phát triển theo một chiến lược công nghiệp hóa, hiện đại hóa đúng đắn. Tạo môi trường và điều kiện cho các thành phần kinh tế phát huy mọi tiềm năng trong môi trường cạnh tranh và hội nhập quốc tế; tăng cường giám sát để phát hiện các mất cân đối có thể xảy ra, bảo đảm ổn định kinh tế vĩ mô và an toàn hệ thống".

Tại phiên họp thường kỳ tháng 4 năm 2016 của Chính phủ, Thủ tướng Nguyễn Xuân Phúc tiếp tục khẳng định: *Chính phủ đẩy mạnh việc chuyển phương thức chỉ đạo điều hành từ mệnh lệnh hành chính sang Chính phủ kiến tạo và phục vụ.* Vẫn theo định hướng này, tại phiên thường kỳ tháng 6, Thủ tướng đặt câu hỏi: Các cấp, ngành đã vào cuộc ra sao? Bộ máy chúng ta đã thực sự vì dân phục vụ chưa, thực sự là Chính phủ kiến tạo chưa, đã thực sự tháo gỡ hết khó khăn cho người dân, doanh nghiệp làm ăn chưa?... Chính phủ kiến tạo và phục vụ có ý nghĩa như thế nào đối với tiến trình hội nhập và phát triển của đất nước?

Nhà nước kiến tạo phát triển được đưa ra lần đầu bởi Chalmers Ashby Johnson (1982) [11].

Theo ông, nhà nước kiến tạo phát triển là một mô hình quản lý nhà nước, trong đó nhà nước đề ra các chính sách mang tính định hướng phát triển, tạo môi trường và điều kiện cho các thành phần kinh tế phát huy mọi tiềm năng trong môi trường cạnh tranh và hội nhập quốc tế; tăng cường giám sát để phát hiện các mất cân đối có thể xảy ra, bảo đảm ổn định kinh tế vĩ mô.

Với sự xuất hiện của xu thế toàn cầu hóa kể từ đầu thế kỷ 21, vai trò kiến tạo của nhà nước tập trung chủ yếu vào nâng cao năng lực của nhà nước để thúc đẩy các hoạt động thị trường thông qua các giải pháp đảm bảo trật tự xã hội, giảm tính bất định trong nền kinh tế, giảm bất đối xứng thông tin, giảm chi phí giao dịch … cho thị trường [11].

Để xây dựng nhà nước kiến tạo phát triển, cần xem xét nhiều điều kiện, nhiều yếu tố khác nhau. Theo Vũ Minh Khương [12], có thể tóm lược những nhóm nhân tố ảnh hưởng cơ bản đến việc định hướng xây dựng nhà nước kiến tạo phát triển thành ba nhân tố khách quan như sau: đòi hỏi của người dân, hiểm họa an ninh quốc gia và khan hiếm tài nguyên thiên nhiên. Theo ông, một quốc gia có xu hướng phải lựa chọn con đường xây dựng "Nhà nước kiến tạo phát triển" nếu hội đủ được ở mức cao cả ba yếu tố trên.

Hiện nay, tư duy quản lý nhà nước đã được các cơ quan chính quyền quan tâm và thay đổi có lợi cho thị trường, thiên hướng về thị trường và làm giảm thiểu chi phí giao dịch tầm vi và vĩ mô. Điều này được thể hiện bằng Nghị quyết số 10-NQ/TW (Nghị quyết Hội nghị lần thứ 5, khóa XII) về phát triển kinh tế tư nhân trở thành một động lực quan trọng của nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Theo chúng tôi, đây là một nhận thức vô cùng đúng đắn và sáng suốt của Đảng và Nhà nước ta trong giai đoạn hiện nay, lấy kinh tế tư nhân là động lực, phương tiện và mục tiêu để phát triển kinh tế và đất nước.

XÂY DỰNG NHÀ NƯỚC KIẾN TẠO PHÁT TRIỂN TẠI VIỆT NAM

Từ chính phủ bắt nguồn từ một từ Hy Lạp có nghĩa là "cầm lái" - công việc của chính phủ là "cầm lái" chứ không phải "bơi chèo".

"*Một nhà nước hoạt động có hiệu quả có thể đóng góp rất nhiều cho sự phát triển bền vững và giảm đói nghèo. Nhưng chẳng có đảm bảo nào cho rằng mọi sự can thiệp của nhà nước đều sẽ mang lại lợi ích cho xã hội. Độc quyền của nhà nước về cưỡng chế, cái mang lại cho nhà nước quyền lực can thiệp một cách có hiệu lực vào hoạt động kinh tế, cũng mang lại cho nhà nước quyền can thiệp một cách độc đoán chuyên quyền. Quyền lực này, cộng với việc thâm nhập nguồn thông tin, mà dân chúng bình thường không có được, tạo ra những cơ hội cho những công chức xúc tiến những lợi ích của riêng họ hay những bạn bè hoặc đồng minh của họ, làm thiệt hại cho lợi ích chung. Những khả năng kiếm lợi và tham nhũng là rất lớn. Do đó các nhà nước phải cố gắng thiết lập và nuôi dưỡng những cơ chế mang lại cho các cơ quan nhà nước sự mềm dẻo và sự khuyến khích để hoạt động vì lợi ích chung, đồng thời kiềm chế những hành vi độc đoán tham nhũng trong cách cư xử với các doanh nghiệp và công dân* " [13].

Tuy còn một số vướng mắc về lý thuyết Nhà nước kiến tạo phát triển, chúng tôi mạnh dạn đề xuất một số giải pháp để xây dựng nhà nước kiến tạo hiệu quả tại Việt Nam.

Thứ nhất, *xây dựng một hệ thống thể chế không thiên vị. Cần làm rõ và chính xác hơn giữa vai trò của nhà nước và vai trò của thị trường trong một nền kinh tế đang phát triển như Việt Nam.* Cần tránh một bộ máy nhà nước quan liêu để nhà nước có vai trò phục vụ và kiến tạo thị trường, khắc phục các khuyết tật của thị trường. Mac viết: "*Bộ máy quan liêu tự coi mình là mục tiêu tối hậu của nhà nước… Mục đích của nhà nước biến thành mục đích của các công sở hay mục đích của các công sở trở thành mục đích của nhà nước. Bộ máy quan liêu là một vòng tròn khép kín mà không ai có thể thoát ra được. Các nấc thang của nó là những nấc thang của kiến thức. Cấp cao hơn đưa xuống cho cấp thấp hơn những kiến thức cụ thể, trong khi đó những người này lại tin rằng cấp cao nhất hiểu được những vấn đề phổ quát (quyền lợi chung), và họ cứ lừa dối lẫn nhau như thế*" [14,15].

Động cơ hay động lực là do con người tạo ra và được ràng buộc bởi các thể chế. Theo Acemoglu và Robinson [16], "Thể chế là các qui tắc tác động đến sự vận hành của nền kinh tế và động cơ khuyến khích của dân chúng".

Thể chế tạo ra các động lực và các động lực định hình hành vi. Douglass North [17] đã viết: "Các thể chế cung cấp cấu trúc động lực cho nền kinh tế, khi cấu trúc đó tiến hóa, nó định hình chiều hướng thay đổi kinh tế theo hướng tăng trưởng, đình trệ hay suy giảm".

Bảng 1 cho chúng ta thấy những đặc điểm then chốt của một thể chế phát triển, đó là coi trọng nhân tài, tuyển dụng minh bạch để có nguồn nhân lực tốt nhất phục vụ đất nước, cần có sự hợp tác chặt chẽ giữa nhà nước và khu vực tư nhân để hài hòa giữa bàn tay vô hình và bàn tay hữu hình trong việc kiến tạo phát triển.

Thứ hai, *cần tôn trọng vai trò tự do của các cá nhân và tiếng nói của họ trong sự phát triển kinh tế và phồn vinh của quốc gia.* Karl Mac đã nói: "*Chính sự phát triển tự do của mỗi người là điều kiện cho sự phát triển tự do của tất cả mọi người*" [15,19]. John S Mill cũng cho rằng: *quyền tự do được hiểu như điều kiện văn hóa cần thiết cho sự phát triển mọi khả năng của các cá nhân vì lợi ích lâu dài của toàn xã hội* [20]. Xây dựng nhà nước kiến tạo phát triển là mở rộng quyền tự do của mỗi cá nhân và cả cộng đồng. Tự do vừa là phương tiện vừa là mục tiêu của phát triển. Nhưng không thể có tự do nếu không có pháp luật. Mục tiêu của xây dựng Hiến pháp trong nhà nước kiến tạo phát triển là khoanh định quần đảo quyền lực của nhà nước giữa đại dương của các quyền cá nhân.

Thứ ba, *xây dựng một môi trường cạnh tranh lành mạnh, công bằng và công tâm cho mọi thành phần kinh tế.* Kinh tế nhà nước không nên giữ vai trò chủ đạo, để khu vực tư nhân và cơ chế thị trường là động lực quan trọng và chủ đạo nhất của phát triển: phát triển là quá trình học hỏi, tự học hỏi và khám phá nên chỉ có khu vực kinh tế tư nhân thông qua cơ chế bàn tay vô hình, mới có đủ động lực để thực hiện nhiệm vụ này trong nền kinh tế [21]. Tri thức của con người là phân rã [22] cho nên chỉ có tư nhân mới có thể tích lũy được kiến thức và công nghệ phục vụ cuộc sống. Làm sao để tạo động lực cho người dân có ý thức Khởi nghiệp trong bất kỳ hoàn cảnh và gia cảnh nào.

Thứ tư, *giảm thiểu tối đa các qui định về văn bản pháp luật nhằm giảm chi phí giao dịch cho toàn bộ nền kinh tế.* Tránh chính sách một cửa nhưng hàng trăm ổ khóa. Các văn bản pháp luật cần tạo ra động cơ đúng đắn cho các hoạt động kinh tế và ngăn chặn những hành vi có lợi cho cá nhân nhưng làm hủy hoại nền kinh tế, tránh trùng lắp hay không đúng với qui định của văn bản có tính pháp lý cao hơn.

Thứ năm, *cần có những chính sách kiểm soát tham nhũng để quan chức Không thể không muốn và không dám tham nhũng.* Ham muốn ăn cắp tất cả mọi thứ không từ bỏ được là một trong những yếu tố bóp chết sự phát triển rõ ràng nhất mà các quan chức chính phủ phải đối mặt [23]. Tham nhũng tràn lan làm xói mòn lòng tin của người dân, làm giảm mong muốn đầu tư của các doanh nghiệp tư nhân, làm tăng chi phí phi chính thức đối với nền kinh tế. Mà lòng tin là yếu tố cực kỳ quan trọng để xây dựng một thể chế hiệu quả, chi phí của nền kinh tế gia tăng ảnh hưởng tới năng lực cạnh tranh quốc gia.

Wollstonecraft trong tác phẩm Vindication of the rights of Women (viết năm 1791 và xuất bản năm 1792), đã viết: "*Nghèo đói làm cho tâm hồn trở nên tàn nhẫn, nhưng cuộc sống giàu sang do người khác tạo ra cũng làm cho người ta trở thành kiêu ngạo và lười nhác*".

Theo Transparency International 2016 cho thấy chúng ta đứng thứ 112 trên tổng số 167 nước được xếp hạng, có nghĩa là chúng ta chỉ đứng trên 33% các nước tham nhũng nhất, hay chúng ta đứng trong top 1/3 các nước tham nhũng nhất thế giới. Số liệu này cũng trùng khớp với số liệu của WB 2015, khi chúng ta đứng trên 34% các nước tham nhũng nhất. Mà tham nhũng là một chỉ số đánh giá chất lượng thể chế ở một quốc gia, cho nên việc chống tham nhũng là một việc làm cấp bách và phải cương quyết xử lý tham nhũng.

Chúng tôi xin nhắc lại những yêu cầu của Romer [24], trong việc tái cấu trúc thể chế, mà hội tụ được sự đồng thuận xã hội. Đó là (i) bảo vệ và gìn giữ quyền lợi của người dân và (ii) tạo dựng dần thể chế, thông qua việc nhân rộng các thông lệ, chuẩn mực tích cực, mà nó thúc đẩy sự tăng trưởng dựa trên tiến bộ về công nghệ, trình độ tổ chức và tính hiệu quả kinh tế theo qui mô.

Thứ sáu, *nâng cao chất lượng bộ máy hành chính* .Để thực thi tốt và hiệu quả các thể chế và chính sách thúc đẩy phát triển kinh tế thì những người thi hành trực tiếp phải có những kiến thức lý thuyết và thực tế chuyên sâu và bản lĩnh chính trị vững vàng. Theo số liệu của Bộ Nội vụ (2011), số viên chức có trình độ sơ cấp chiếm gần 8%, trung cấp khoảng 28%, cao đẳng 23%, đại học 37% và sau đại học gần 4%. Như vậy, ít nhất về số lượng viên chức chưa đạt yêu cầu, khoảng 59% viên chức có bằng dưới đại học, trung cấp trở xuống vẫn còn 36%, tức là cứ 3 viên chức có 1 người trình độ dưới cao đẳng. Để nâng cao chất lượng viên chức, theo chúng tôi, cần tinh giảm biên chế. Hơn nữa, tinh giảm biên chế giúp chúng ta bắn một phát súng được hai mục tiêu. *Thứ nhất,* làm tăng thu nhập của những người còn lại. *Thứ hai,* sẽ gây

Bảng 1: Năm đặc điểm xây dựng thể chế phát triển [18]

Đặc điểm	Kiến tạo Phát triển	Cai trị - Hủ bại
1. Tuyển dụng cán bộ vào cơ quan nhà nước.	Thực sự minh bạch và cạnh tranh.	Thiếu minh bạch, thậm chí tùy tiện
2. Tiêu chuẩn lựa chọn và đề bạt	Coi trọng hiền tài	Con ông cháu cha, phe cánh
3. Hoạch định và phối thuộc Chiến lược phát triển	Lập cơ quan hoạch định và phối thuộc chiến lược phát triển với những cán bộ ưu tú và trách nhiệm đặc biệt.	Mơ hồ; không có cơ quan thực sự chịu trách nhiệm
4. Hợp tác giữa nhà nước và tư nhân	Chặt chẽ - gắn bó	Lỏng lẻo - nghi kị. Thiếu chiều sâu và tầm chiến lược.
5. Luật chơi trên thị trường	Rõ ràng và nghiêm minh	Thiếu nhất quán giữa văn bản và thực hiện. Thiên vị các nhóm lợi ích

áp lực cho những cán bộ, công chức, viên chức còn lại, bởi họ phải làm việc hiệu quả, năng suất hơn nếu không muốn mình bị rơi vào "Quy hoạch" tinh giảm biên chế, đồng thời giảm được tình trạng "cha chung không ai khóc", nhiều người đi làm nhưng ít người làm việc đàng hoàng. Bộ máy quá cồng kềnh, chi tiêu của nhà nước là quá cao và không hiệu quả.

Hình 1 cho chúng ta thấy qui mô của chính phủ thông qua chỉ số chi tiêu tính theo GDP theo số liệu của Ngân hàng thế giới WB. Tuy chi tiêu của chính phủ năm 2015 chỉ chiếm 28,7%, đứng cao thứ 130 trong 205 nước (trung bình trên thế giới là 34,21%, thấp nhất là 11,8% tại Nigeria và cao nhất là 116,12% tại Tuvalu), giảm so với năm 2009 là 31,6%, đứng thứ 111 trên 204 nước, (trong khi chi tiêu công bình quân năm 2009 trên thế giới là 33,73%). Theo dự báo của WB chi tiêu của VN trong năm 2016 sẽ giảm còn 28,09% GDP và giảm xuống còn 27,295% GDP vào năm 2021, trung bình trên thế giới giảm còn 31,77% GDP. Việc chi tiêu quá lớn của chính phủ, nhất là đầu tư công, sẽ lấn át các khoản đầu tư khác của nền kinh tế, nhất là làm giảm đầu tư của khu vực tư nhân. Theo đánh giá của M Spence[26] khi ông phân tích những trường hợp tăng trưởng cao và bền vững, cho thấy đầu tư của khu vực công ở vào khoảng 5% đến 7% GDP để duy trì mức tăng trưởng 7%. Ở Việt Nam hiện nay, theo số liệu của Tổng cục thống kê (2018) thì mức đầu tư công tiệm cận đến con số 14% GDP, cao gấp đôi so với chuẩn do Spence phát hiện. Như vậy chúng ta cần phải giảm chi tiêu công, nhất là đầu tư công không hiệu quả để chuyển sang hỗ trợ đầu tư cho khu vực tư nhân. Nhất là khi chúng ta coi khu vực tư nhân là động lực quan trọng trong phát triển kinh tế.

Hình 2 cho chúng ta thấy tỷ trọng tổng đầu tư toàn xã hội của Việt Nam từ năm 1980 đến 2015 và dự báo của WB đến năm 2021. Đầu tư toàn xã hộ đạt đỉnh điểm vào năm 2007 với tỷ trọng 39,57 % GDP, trong đó đầu tư nhà nước chiếm trên 50% tổng đầu tư toàn xã hội. Đầu tư công của VN chỉ còn là 27,58% vào năm 2015 (đứng thứ 48 trên 191 nước trên thế giới, thấp nhất là 1,748% tại Yemen và cao nhất là 78,077% tại Suriname, trung bình trên thế giới là 23,58% GDP) so với đỉnh điểm là 39,57% trong năm 2007 (VN trong năm này đứng thứ 11 trong 191 nước, tỷ lệ đầu tư trung bình là 25,98%, tuy nhiên theo dự báo thì đến năm 2021 đầu tư lại tăng lên 29,5% GDP (trung bình trên thế giới là 24,28%). Theo lý thuyết kinh tế, nhà nước đầu tư có 2 lý do: Thứ nhất là nhà nước đầu tư vào những lĩnh vực mà tư nhân không muốn, không thể và không được tham gia và thứ hai là nhà nước đầu tư để giảm thiểu những khuyết tật của thị trường. Nhà nước VN tuy đã giảm từ 50% còn 40% tổng đầu tư toàn xã hội (chỉ sau Trung Quốc), nhưng vẫn rất lớn so với các nước đang phát triển (khoảng 20%). Như vậy việc nhà nước đầu tư lớn vào nền kinh tế gây ra hai hệ quả. Một là đầu tư nhà nước sẽ lấn át đầu tư tư nhân bởi vì thêm 1 đồng đầu tư của nhà nước có nghĩa là khu vực tư nhân giảm đi 1 đồng tương ứng. Hai là, đây chính là mảnh đất màu mỡ cho tham nhũng khu vực công.

Thứ bảy *, xây dựng một quốc hội độc lập với ít nhất 50% đại biểu chuyên trách, tiến tới dài hạn là 100% đại biểu chuyên trách*. Không thể vừa "đá bóng vừa thổi còi được ". Quốc hội phải chất vấn và bị chất vấn trước các vấn đề quan trọng tầm quốc gia. Hoạt động giám sát của Quốc hội phải đặt trọng tâm vào việc tuân thủ Hiến pháp và pháp luật của Chính phủ và các cơ quan công quyền. Montesquieu trong tác phẩm nổi tiếng "Bàn về Tinh thần pháp luật" [27] đã viết: "Những kinh nghiệm hàng ngày lại cho chúng ta thấy rằng bất cứ ai được giao quyền cũng đều có xu hướng lạm dụng quyền lực, thậm trí đến mức thích gì làm nấy… Để

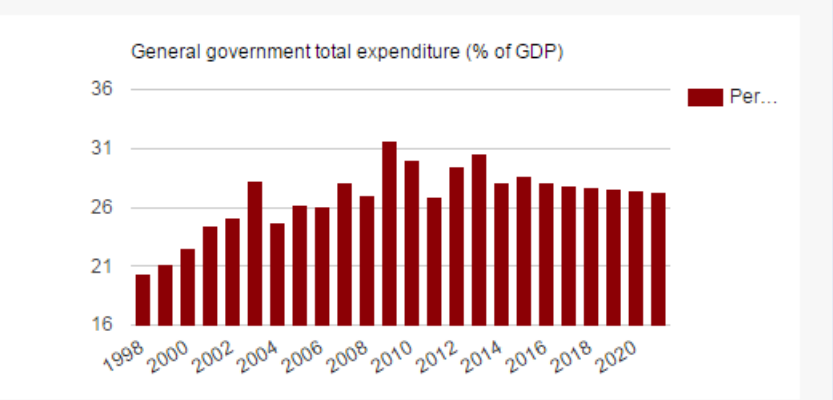

Hình 1: **Chi tiêu của chính phủ giai đoạn 1998 – 2015 và đến 2020 Nguồn: Dự báo của WB 2017** [25]

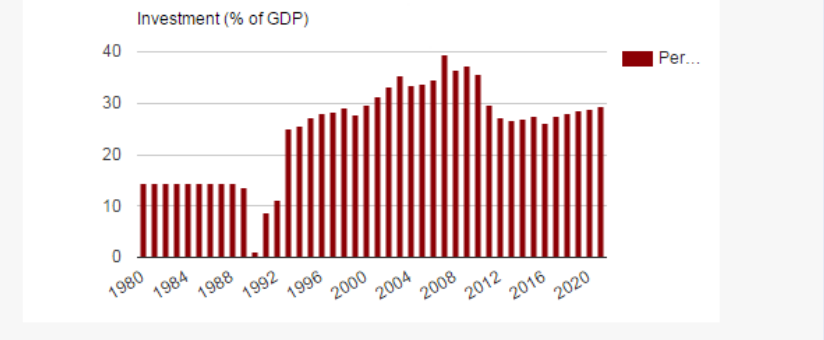

Hình 2: **Tổng đầu tư toàn xã hội ở Việt Nam giai đoạn 1980 – 2015 và dự báo đến năm 2021 *Nguồn: WB 2017*** [25]

ngăn chặn việc lạm dụng, ngay từ khởi thủy, cần phải có quyền lực để ngăn chặn quyền lực. Chính phủ cần phải được tổ chức sao cho không người nào phải làm những việc mà pháp luật không buộc anh ta làm, cũng như không buộc người nào phải từ bỏ những thứ mà luật pháp cho phép". Cho nên ở đây cần đề cập đến sự minh bạch và trách nhiệm giải trình của nhà nước của dân, do dân và vì dân.

KẾT LUẬN

Việc xây dựng nhà nước kiến tạo phát triển tại Việt Nam là một công việc hết sức cần thiết và cần nhiều thời gian và điều kiện để thực hiện. Chúng tôi hy vọng, bằng trí tuệ của cả hệ thống chính trị, công cuộc xây dựng đất nước để đạt được đa mục tiêu: dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng và văn minh, sẽ đạt được thông qua việc hình thành và xây dựng một nhà nước của dân, do dân và vì dân để hướng tới sự phát triển thịnh vượng và hùng cường của một đất nước có mấy nghìn năm lịch sử giữ nước và xây dụng đất nước nhằm sánh vai các cường quốc năm châu trong thời đại cuộc cách mạng công nghiệp 4.0.

TUYÊN BỐ VỀ XUNG ĐỘT LỢI ÍCH

Tác giả xin cam đoan rằng không có bất kì xung đột lợi ích nào trong công bố bài báo.

TUYÊN BỐ ĐÓNG GÓP CỦA CÁC TÁC GIẢ

Tác giả chịu trách nhiệm đối với nội dung toàn bài báo.

DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT

AEC: ASEAN Economic Community - Cộng đồng kinh tế ASEAN

WB: World Bank - Ngân Hàng Thế Giới

CEPT: Common Effective Preferential Tariff - Chương trình thuế quan ưu đãi có hiệu lực chung

AFAS: Hiệp định Khung về Dịch vụ của ASEAN

AFTA: ASEAN Free Trade Area - Khu vực Mậu dịch Tự do ASEAN

AICO: Hiệp định Khung về Hợp tác Công nghiệp ASEAN

AIA: Khu vực Đầu tư ASEAN

KTTT: Kinh tế thị trường

GDP: Gross Domestic Product - Tổng sản phẩm quốc nội

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bastiat Claude Frederic, Phạm Nguyên Trường dịch. Luật pháp. Hà Nội: NXB Tri Thức; 2016. Tr.37-39, 46, 153.
2. Palmer Tom. Đinh Tuấn Minh dịch. Nguyên lý nền tảng cho một thế giới thịnh vượng và hòa bình. Hà Nội: NXB Tri Thức; 2014. Tr.194.
3. Nguyễn Đăng Dung. Chế ước quyền lực nhà nước. Đà Nẵng: NXB Đà Nẵng; 2008. Tr.13, 14, 19.
4. Tuyên ngôn Độc lập Hoa Kỳ, 1776.
5. Dasgupta Partha, Thái An dịch. Dẫn luận về kinh tế học. Hà Nội: NXB Hồng Đức; 2016. Tr.245-246.
6. Stiglitz Joseph E, Nguyễn Thị Hiền dịch. Kinh tế học công cộng. Hà Nội: NXB Khoa học và kỹ thuật; 1995. Tr.110.
7. Samuelson Paul A và Wiliam D. Nordhalls, Vũ Cương dịch. Kinh tế học, tập 1. Hà Nội: NXB Thống kê; 2002.
8. Mankiw Gregory N, Nguyễn Văn Ngọc dịch. Nguyên lý kinh tế học, tập 1. Hà nội: NXB Thống kê; 2003. Tr.344.
9. Butler Eamonn, Phạm Nguyên Trường dịch. Ludwig von Mises Lược khảo. Hà Nội: NXB Tri Thức; 2014. Tr.145, 170.
10. Wheelan Charles. Thanh Hương và Bích Ngọc dịch. Đô la hay lá nho. Hà Nội: NXB Lao động – xã hội; 2008. Tr.155-157.
11. Đinh Tuấn Minh và Phạm Thế Anh, chủ biên. Từ nhà nước điều hành sang nhà nước kiến tạo. Hà Nội: NXB Tri Thức; 2016. Tr.120, 130.
12. Vũ Minh Khương. Việt Nam hành trình đi đến phồn vinh. Hà Nội: NXB Tri Thức; 2013. Tr.45.
13. Ngân hàng thế giới. Nhà nước trong một thế giới đang chuyển đổi, Báo cáo về tình hình phát triển thế giới 1997. Hà nội: NXB Chính trị Quốc gia; 1998. Tr.126.
14. David Held, Phạm Nguyên Trường dịch. Các mô hình quản lý nhà nước hiện đại. Hà Nội: NXB Tri thức; 2014. Tr.190.
15. C. Mác và Ph. Ăng-ghen: Toàn tập, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1995, t. 4.
16. Daron Acemoglu, James A. Robinson, Nguyễn Thị Kim Chi dịch. Tại sao các quốc gia thất bại. TP.HCM: NXB Trẻ; 2013. Tr.68.
17. North. C Douglass. Các thể chế, sự thay đổi thể chế và hoạt động kinh tế. Hà Nội: NXB KHXH và trung tâm nghiên cứu Bắc Mỹ; 1998. Tr.155.
18. Vũ Minh Khương. Xây dựng nhà nước kiến tạo phát triển: Kinh nghiệm quốc tế và Xin-ga-po - Những kiến nghị đối với Việt Nam. Chuyên đề do Hội đồng Lý luận Trung ương, Tạp chí Cộng sản và Hội đồng khoa học các ban Đảng Trung ương phối hợp tổ chức. Hà Nội; 2016.
19. Tuyên ngôn của Đảng cộng sản, 1848.
20. Mill John Stuart, Nguyễn Văn Trọng dịch. Bàn về tự do. Hà Nội: NXB Tri Thức; 2005. Tr.257.
21. Trubek. 2010. The world turn upside down: Reflections on new governance and the transformation of law. Wisconsin Law Review. 2010 (2), 719-26.
22. F.A Hayek, Phạm Nguyên Trường dịch. Chủ nghĩa cá nhân và trật tự kinh tế. Hà Nội: NXB Tri thức; 2016.
23. William Easterly, nhóm nghiên cứu sinh tại Mỹ dịch. Truy tìm căn nguyên tăng trưởng. Hà Nội: NXB Lao động - Xã hội; 2009. Tr.372.
24. Romer, 2009. "The New Kaldor Facts: Ideas, Institutions, Population, and Human Capital," NBER Working Papers 15094, National Bureau of Economic Research, Inc.
25. Worlbank: 2017. http://www.economywatch.com/economic-statistics/.
26. M. Spence. 1973. Job Market Signaling. The Quarterly Journal of Economics, Vol. 87, No. 3 (Aug., 1973), pp. 355-374. Published by: The MIT Press.
27. Montesquieu, Hoàng Thanh Đạm dịch. Bàn về Tinh thần pháp luật. Hà Nội: NXB Thế giới; 2018. Tr.334, 335.

Science & Technology Development Journal – Economics - Law and Management, 3(2):166- 175

Review

Building a developmental state in Vietnam in the process of integrating into the ASEAN economic community

Nguyen Hong Nga*

ABSTRACT
Vietnam has been exposed to various advantages and challenges since becoming a member of the AEC.This context requires innovation in the state's perception of governing, regulating and operating the country. In the contemporary stage, the developmental state model isof pivotal importance and necessity to the efforts of achieving the national goals ofprosperous people and a strong, democratic, equitable, and civilized country. This paper discusses concepts, roles and basic functions of a state, and analyzes key aspects of the formation ofa developmental state. Special focus is onthe state's market failure correcting role, its non-competitive nature, and the state that does not act for markets. The ultimate goals of the developmental state is to ensure the rights to live, liberties, and wealth of individuals. The concept of the developmental state wasfirst developed by Chalmers Ashby Johnson (1982). The developmental role of the state is centered on improvingits competence to promote market activities by means of ensuring public security, lessening uncertainty in the economy, mitigating asymmetricinformation, reducing transaction costs, etc. for markets. Finally, we suggest a package of seven solutions to the formation of a developmental government in Vietnam.
Key words: State, development-supporting, Vietnam

University of Economics and Law, VNU-HCM

Correspondence

Nguyen Hong Nga, University of Economics and Law, VNU-HCM

Email: nganh@uel.edu.vn

History
- Received: 8-3-2019
- Accepted: 1-5-2019
- Published: 30-6-2019

DOI :

https://doi.org/10.32508/stdjelm.v3i2.553

Check for updates

Copyright

© VNU-HCM Press. This is an open-access article distributed under the terms of the Creative Commons Attribution 4.0 International license.

VNU-HCM Press

SCAN ME

Cite this article : Nga N H. **Building a developmental state in Vietnam in the process of integrating into the ASEAN economic community**. *Sci. Tech. Dev. J. - Eco. Law Manag.;* 3(2):166-175.